

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ
DU LỊCH THỦ ĐỨC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

2 - 3

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

4 - 5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8 - 21

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Hữu Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thắng	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tâm	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Thanh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: 712 /VNIA-HC-BC

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9 và 19 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình được bàn giao từ bên liên doanh là Công ty TNHH Một thành viên An Phú và khoản phải trả người bán tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì hai bên chưa thống nhất được giá trị bàn giao. Bên cạnh đó, Công ty cũng chưa ghi nhận doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê các tài sản cố định hữu hình nêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do chưa có cơ sở chắc chắn cho việc ghi nhận khoản doanh thu và chi phí tương ứng. Theo tài liệu, hồ sơ của Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các tài sản cố định như đã đề cập ở trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị cần phải điều chỉnh liên quan đến tài sản cố định nêu trên và công nợ phải trả tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như doanh thu và chi phí liên quan đến các tài sản cố định này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

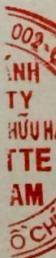


Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "TKL".

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		37.711.283.341	29.714.476.568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.214.805.526	3.255.025.105
1. Tiền	111		1.214.805.526	1.255.025.105
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000	40.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	40.000.000	40.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.169.180.635	26.093.277.864
1. Phải thu khách hàng	131		362.168.500	516.353.804
2. Trả trước cho người bán	132		-	2.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	29.807.012.135	25.574.924.060
IV. Hàng tồn kho	140		153.424.008	197.404.476
1. Hàng tồn kho	141		153.424.008	197.404.476
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.873.172	128.769.123
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.936.100	52.436.932
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		24.937.072	20.332.191
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		66.000.000	56.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		52.005.167.214	54.393.407.219
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.307.233.120	1.973.942.902
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		380.661.453	398.999.305
2. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.180.651.733	1.756.429.359
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(254.080.066)	(181.485.762)
II. Tài sản cố định	220		28.764.233.756	30.717.101.203
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	28.458.123.346	30.410.627.157
- Nguyên giá	222		50.624.725.011	50.720.848.177
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(22.166.601.665)	(20.310.221.020)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		173.581.121	173.581.121
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(173.581.121)	(173.581.121)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		306.110.410	306.474.046
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.782.600.000	21.298.400.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.782.600.000	1.298.400.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		151.100.338	403.963.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		116.669.549	366.568.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	29.430.789	32.394.587
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		89.716.450.555	84.107.883.787

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		16.653.493.704	10.861.462.641
I. Nợ ngắn hạn	310		13.861.659.015	8.049.014.371
1. Phải trả người bán	312		41.041.751	113.593.149
2. Người mua trả tiền trước	313		20.000	26.850.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.146.286.369	2.041.345.593
4. Phải trả người lao động	315	14	2.958.746.714	2.206.842.871
5. Chi phí phải trả	316		127.750.631	129.578.350
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.826.540.669	2.313.454.856
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	3.761.272.881	1.217.349.552
II. Nợ dài hạn	330		2.791.834.689	2.812.448.270
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	2.767.116.508	2.789.016.452
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		24.718.181	23.431.818
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		73.062.956.851	73.246.421.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	73.062.956.851	73.246.421.146
1. Vốn điều lệ	411		68.888.000.000	68.888.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.909.580.429	956.012.180
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.265.376.422	3.402.408.966
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		89.716.450.555	84.107.883.787



Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.310.935.885	26.454.154.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		385.323.776	319.711.890
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	28.925.612.109	26.134.442.459
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	19.690.745.983	17.159.426.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.234.866.126	8.975.015.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.128.455.740	1.022.791.269
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22		-	353.522.585
8. Chi phí bán hàng	23		-	233.097.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		117.048.400	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3.661.973.938	3.629.247.917
11. Thu nhập khác	31		6.584.299.528	6.015.036.274
12. Chi phí khác	32		458.601.653	177.692.539
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	111.945.933	153.260.361
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		346.655.720	24.432.178
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	6.930.955.248	6.039.468.452
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	1.341.368.956	1.322.120.962
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.963.798	(21.347.500)
			3.586.622.494	4.738.694.990



Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	6.930.955.248	6.039.468.452
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.952.503.811	1.947.416.657
Các khoản dự phòng	03	72.594.304	181.485.762
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.128.455.740)	(1.012.975.541)
Chi phí lãi vay	06	-	233.097.221
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	7.827.597.623	7.388.492.551
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.469.260.230)	1.195.924.806
Thay đổi hàng tồn kho	10	43.980.468	(28.331.134)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.334.674.263	(1.563.634.714)
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	(199.201.843)	336.897.489
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(233.097.221)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.576.302.309)	(1.275.014.750)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	458.601.653	1.867.024.126
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.087.433.000)	(2.446.305.193)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	3.332.656.625	5.241.955.960
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)	21	-	(977.368.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	110.609.636
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(40.000.000)	(40.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(574.401.353)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40.000.000	4.516.697.448
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	627.123.796	1.022.791.269
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	627.123.796	4.058.328.491
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(6.500.000.000)
2. Lợi nhuận đã trả cho Công ty mẹ	36	-	(1.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	(8.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	3.959.780.421	1.300.284.451
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.255.025.105	1.954.740.654
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.721.805.526	3.255.025.105



Nguyễn Thị Kim Liên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Du lịch Thủ Đức, một doanh nghiệp nhà nước có số đăng ký kinh doanh 102301 do Trung Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 1993, sau đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301440903 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê mặt bằng và các dịch vụ du lịch khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí bán hàng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Tài sản khác	2 - 15

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng là 10 năm và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ khấu hao trong thời gian là 10 năm.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trên một năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ việc cho thuê phòng, bán thực phẩm và nước giải khát, dịch vụ giặt là và các dịch vụ khác được ghi nhận khi phát sinh.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi số và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Tiền mặt	380.194.100	455.076.200
Tiền gửi ngân hàng	834.611.426	799.948.905
Các khoản tương đương tiền	<u>6.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
	<u>7.214.805.526</u>	<u>3.255.025.105</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6%/năm).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại ngân hàng với lãi suất là 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10%/năm).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải thu khác từ Công ty mẹ (*)	26.298.200.562	25.366.301.392
Phải thu từ Chi nhánh Công ty TNHH MTV An Phú (**)	3.335.491.357	-
Phải thu khác	<u>173.320.216</u>	<u>208.622.668</u>
	<u>29.807.012.135</u>	<u>25.574.924.060</u>

(*) Phải thu khác từ Công ty mẹ bao gồm khoản phải thu thuần do nhượng bán khoản đầu tư vào Công ty Sài Gòn Gôn cho Công ty mẹ với số tiền là 25.366.301.392 đồng và khoản phải thu từ việc điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012 về Công ty mẹ với số tiền là 93.1.899.170 đồng.

(**) Đây là khoản phải thu tiền thuê đất năm 2012 và 2013 của khu đất Mặt tiền đường Xuân Thủy, phường Thảo Điền, Quận 2 theo Thông báo của Chi cục Thuế Quận 2 do Công ty đã nộp hộ Công ty TNHH Một thành viên An Phú theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty này.

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải thu phần vốn góp liên doanh theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH MTV An Phú	1.166.737.398	1.185.276.142
Phải thu từ công ty liên kết	-	555.961.200
Phải thu dài hạn khác	<u>13.914.335</u>	<u>15.192.017</u>
	<u>1.180.651.733</u>	<u>1.756.429.359</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
	Tại ngày 01/01/2014	45.353.226.922	979.303.295	1.305.525.163	3.082.792.797
Bản giao	(96.123.166)	-	-	-	(96.123.166)
Tại ngày 31/12/2014	45.257.103.756	979.303.295	1.305.525.163	3.082.792.797	50.624.725.011

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	17.453.903.258	979.303.295	854.319.826	1.022.694.641	20.310.221.020
Khấu hao trong năm	1.711.172.583	-	82.328.388	159.002.840	1.952.503.811
Bản giao	(96.123.166)	-	-	-	(96.123.166)
Tại ngày 31/12/2014	19.068.952.675	979.303.295	936.648.214	1.181.697.481	22.166.601.665

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2014	26.188.151.081	-	368.876.949	1.901.095.316	28.458.123.346
Tại ngày 31/12/2013	27.899.323.664	-	451.205.337	2.060.098.156	30.410.627.157

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.823.956.512 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.997.537.633 đồng).

Theo Biên bản bàn giao tài sản cố định hữu hình ngày 27 tháng 01 năm 2014 liên quan đến các biệt thự và trang thiết bị hình thành từ hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Một thành viên An Phú ("An Phú") trong giai đoạn từ ngày 08 tháng 01 năm 1994 đến ngày 08 tháng 01 năm 2014. Công ty và An Phú chưa thông nhất giá trị các tài sản cố định hữu hình được bàn giao từ An Phú. Vì vậy Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình nêu trên và khoản phải trả người bán tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	Số 186 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	45,9%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	1.452.600.000	968.400.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	<u>330.000.000</u>	<u>330.000.000</u>
	<u>1.782.600.000</u>	<u>1.298.400.000</u>

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư bằng cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn với tỷ lệ phần sở hữu là 2,48% (năm 2013: 2,48%) và đầu tư bằng tiền vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu với tỷ lệ phần sở hữu là 10% (năm 2013: 10%).

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Chi phí phải trả <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	11.047.087
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>21.347.500</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>32.394.587</u>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(2.963.798)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>29.430.789</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Tiền thu cho thuê nhà phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	986.865.131	1.243.813.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.822.285	449.392.001
Thuế giá trị gia tăng	537.157.413	174.530.662
Thuế đất	2.360.831.750	145.260.360
Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.609.790	28.348.951
	4.146.286.369	2.041.345.593

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải trả lương	2.432.084.912	1.795.426.531
Phải trả phí phục vụ	526.661.802	411.416.340
	2.958.746.714	2.206.842.871

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải trả cho Ủy Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 9 (*)	434.426.000	874.543.200
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	157.360.000	153.330.000
Phải trả lỗ phân chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Một thành viên An Phú	-	120.425.364
Phải trả kinh phí công đoàn	5.763.340	5.917.440
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (**)	1.038.025.877	397.317.057
Phải trả trợ cấp di dời	-	474.161.246
Phải nộp lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.146.538.024	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.427.428	287.760.549
	2.826.540.669	2.313.454.856

(*) Đây là tiền bồi thường đất thu hộ Ủy ban Bồi thường giải phóng Mặt bằng Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh từ các cá nhân mua nhà trong dự án tái định cư 26/3.

(**) Đây là khoản phải trả vốn góp liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn. Kết quả kinh doanh của liên doanh được phản ánh dựa trên lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn của các bên. Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải trả lợi nhuận chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư	682.175.700	220.124.824
Vốn góp liên doanh phải trả cho Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (Ngắn hạn)	355.850.177	177.192.233
	1.038.025.877	397.317.057

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. QUÝ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.217.349.552	887.841.341
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.621.356.329	831.899.171
Hỗ trợ từ công ty mẹ	-	600.000.000
Tăng khác	-	6.240.000
Chi trong năm	<u>(1.077.433.000)</u>	<u>(1.108.630.960)</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>3.761.272.881</u>	<u>1.217.349.552</u>

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Ký quỹ dài hạn	2.104.729.880	1.947.971.880
Vốn góp liên doanh phải trả cho Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (Dài hạn)	662.386.628	841.044.572
	<u>2.767.116.508</u>	<u>2.789.016.452</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thay đổi lần thứ 3 số 0301440903 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 68.888.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn đã góp tại ngày	
	31/12/2014 và <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
	<u>%</u>	<u>%</u>

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên 68.888.000.000 100 68.888.000.000 100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	68.888.000.000		595.333.108	4.233.965.695	73.717.298.803
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.738.694.990	4.738.694.990
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	360.679.072	(360.679.072)	-
Kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	956.012.180	(956.012.180)	-	-
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(460.033.626)	(460.033.626)
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(220.124.824)	(220.124.824)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(831.899.171)	(831.899.171)
Tiền thu cho thuê phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(1.243.813.619)	(1.243.813.619)
Thuế truy thu phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(39.488.931)	(39.488.931)
Chuyển lợi nhuận và quỹ về công ty mẹ	-	-	-	(2.414.212.476)	(2.414.212.476)
Tại ngày 31/12/2013	68.888.000.000	956.012.180	-	3.402.408.966	73.246.421.146
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.586.622.494	5.586.622.494
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	-	931.899.170	931.899.170
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.953.568.249	-	(1.953.568.249)	-
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(507.089.462)	(507.089.462)
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(462.050.876)	(462.050.876)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.621.356.329)	(3.621.356.329)
Tiền thu cho thuê phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(218.335.991)	(218.335.991)
Thuế truy thu phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(24.284.546)	(24.284.546)
Chuyển lợi nhuận của năm 2013 về công ty mẹ	-	-	-	(705.331.549)	(705.331.549)
Chuyển lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2014 về công ty mẹ	-	-	-	(1.163.537.206)	(1.163.537.206)
Tại ngày 31/12/2014	68.888.000.000	2.909.580.429	-	1.265.376.422	73.062.956.851

Theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐTV, 88/NQ-HĐ9TV ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 47/NQ-HĐTV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức, các Thành viên của Hội đồng Thành viên đã thống nhất việc điều chỉnh lợi nhuận của năm 2012 và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2013 và lợi nhuận sau thuế của 6 tháng của năm 2014 sau khi trừ phí phục vụ và chia lợi nhuận cho các bên liên doanh. Theo đó, các Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty được trích như sau:

- a) Trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.013.437.326 đồng và 1.659.355.545 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013.
- b) Trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 940.130.923 đồng và 1.030.101.614 đồng từ lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2014.
- c) Công ty đã điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012 với số tiền 931.899.170 để bổ sung vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012 ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Công ty đã hoàn tất việc phân phối các quỹ theo như Nghị quyết nêu trên trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của 6 tháng cuối năm 2014 sẽ được tính toán và phân phối sau khi Công ty hoàn thành quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>	CLT
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu phòng	11.748.167.022	11.053.500.654	695
Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.628.183.814	5.713.112.675	915
Doanh thu ăn uống	6.254.340.926	5.596.666.501	658
Doanh thu dịch vụ xoa bóp	1.590.225.103	1.319.445.887	271
Doanh thu dịch vụ hồ bơi	1.040.263.622	1.059.218.179	40
Doanh thu phí dịch vụ	668.463.448	628.602.547	298
Doanh thu dịch vụ khác	1.381.291.950	1.083.607.906	288
	29.310.935.885	26.454.154.349	<u>288</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Thuế tiêu thụ đặc biệt	385.323.776	319.711.890	

Công ty chưa ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến các tài sản cố định hữu hình như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm 2014 của Công ty vì chưa có cơ sở chắc chắn cho việc ghi nhận doanh thu và các chi phí có liên quan.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Giá vốn kinh doanh phòng	7.109.996.542	7.884.483.782
Giá vốn cho thuê mặt bằng	4.774.024.191	2.438.047.794
Giá vốn kinh doanh ăn uống	5.328.013.780	4.976.456.958
Giá vốn kinh doanh dịch vụ xoa bóp	1.359.018.304	960.826.502
Giá vốn kinh doanh dịch vụ hồ bơi	783.521.638	672.824.425
Giá vốn dịch vụ khác	336.171.528	226.787.491
	19.690.745.983	17.159.426.952

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.899.646.966	3.613.406.595
Chi phí nhân công	8.901.358.473	8.543.844.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.952.503.811	1.947.416.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.998.372.326	2.973.802.471
Chi phí khác	5.717.886.745	3.710.204.752
	23.469.768.321	20.788.674.869

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Cổ tức được chia	847.350.000	564.043.958
Lợi nhuận được chia từ liên doanh	-	392.756.009
Lãi tiền gửi	281.105.740	65.991.302
	1.128.455.740	1.022.791.269

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

23. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	110.609.636
Thu nhập khác	<u>458.601.653</u>	<u>67.082.903</u>
	<u>458.601.653</u>	<u>177.692.539</u>
Chi phí khác	<u>111.945.933</u>	<u>153.260.361</u>
Lợi nhuận khác	<u>346.655.720</u>	<u>24.432.178</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	6.930.955.248	6.039.468.452
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(932.740.000)	(956.799.967)
Trừ: Các khoản làm giảm lợi nhuận trước thuế	<u>87.272.281</u>	<u>205.815.364</u>
Cộng: Các khoản tăng lợi nhuận trước thuế	<u>6.085.487.529</u>	<u>5.288.483.849</u>
Thu nhập chịu thuế	22%	25%
Thuế suất	<u>2.561.700</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm trước	<u>1.341.368.956</u>	<u>1.322.120.962</u>

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.855.093.145</u>	<u>1.277.831.695</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	920.839.026	748.016.919
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.985.174.290	2.992.067.674
Sau năm năm	<u>17.452.325.941</u>	<u>19.874.236.415</u>
	<u>21.358.339.257</u>	<u>23.614.321.008</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị tiền thuê đất phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với đơn giá thuê hàng tháng sẽ được thỏa thuận riêng theo từng hợp đồng với thời hạn thuê của từng hợp đồng thuê đất là 50 năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.214.805.526	3.255.025.105
Phải thu khách hàng	488.749.887	733.867.347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Các khoản ký quỹ	71.000.000	61.000.000
	7.814.555.413	4.089.892.452

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	41.041.751	113.593.149
Chi phí phải trả	127.750.631	129.578.350
	168.792.382	243.171.499

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa) và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.214.805.526	-	7.214.805.526
Phải thu khách hàng	362.168.500	126.581.387	488.749.887
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	-	40.000.000
Các khoản ký quỹ	66.000.000	5.000.000	71.000.000
	7.682.974.026	131.581.387	7.814.555.413
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán	41.041.751	-	41.041.751
Chi phí phải trả	127.750.631	-	127.750.631
	168.792.382	-	168.792.382
Chênh lệch thanh khoản thuần			
	7.514.181.644	131.581.387	7.645.763.031
31/12/2013			
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.255.025.105	-	3.255.025.105
Phải thu khách hàng	516.353.804	217.513.543	733.867.347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	-	40.000.000
Các khoản ký quỹ	56.000.000	5.000.000	61.000.000
	3.867.378.909	222.513.543	4.089.892.452
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán	113.593.149	-	113.593.149
Chi phí phải trả	129.578.350	-	129.578.350
	243.171.499	-	243.171.499
Chênh lệch thanh khoản thuần			
	3.624.207.410	222.513.543	3.846.720.953

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỚC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp

Công ty mẹ
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

2014	2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Vay	-	233.097.221
Chi phí lãi vay trả cho Công ty mẹ	-	6.500.000.000
Thanh toán nợ gốc vay cho Công ty mẹ	<u>—————</u>	<u>—————</u>

Các giao dịch khác	-	30.000.000.000
Thu do nhượng bán khoản đầu tư vào Công ty Sài Gòn Gôn cho Công ty mẹ	1.868.868.755	2.414.212.476
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	600.000.000
Nhận hỗ trợ từ Công ty mẹ	<u>—————</u>	<u>—————</u>

Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

2014	2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>1.038.318.583</u>	<u>735.873.267</u>
----------------------------------	----------------------	--------------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

31/12/2014	31/12/2013
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Phải thu khác từ Công ty mẹ	26.298.200.562	25.366.301.392
Phải thu dài hạn khác từ Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	-	555.961.200
	<u>—————</u>	<u>—————</u>

Nguyễn Thị Kim Liên
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

